

4. Khi quyết định buộc thôi việc, cho thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn và chuyển công tác đối với ủy viên Ban chấp hành công đoàn thì phải được Ban chấp hành công đoàn cùng cấp thỏa thuận; đối với Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn thì phải được công đoàn cấp trên trực tiếp thỏa thuận.

Điều 16. —

1. Công đoàn thực hiện tự quản về tài chính theo pháp luật và những quy định của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

2. Các nguồn thu vào quỹ công đoàn gồm có :

a) Tiền do đoàn viên công đoàn đóng góp; thu được từ hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, kinh doanh của công đoàn; do các tổ chức quốc tế, các công đoàn nước ngoài ủng hộ;

b) Kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp; tiền trích từ quỹ cơ quan, đơn vị, tổ chức chuyển vào quỹ công đoàn theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 17. — Tài sản của công đoàn là tài sản xã hội chủ nghĩa, được pháp luật bảo vệ và khuyến khích phát triển, phải quản lý và sử dụng đúng pháp luật.

Các bất động sản, động sản, các quỹ công đoàn, các phương tiện hoạt động và các tài sản khác do công đoàn tạo nên, do nước ngoài viện trợ cho công đoàn là tài sản thuộc quyền sở hữu của công đoàn.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 18. — Người vi phạm các quy định của Luật này, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 19. — Luật này thay thế Luật công đoàn ngày 5-11-1957.

Các quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30-6-1990.

Chủ tịch Quốc hội
LÊ QUANG ĐẠO

LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 41-LCT/HĐNN8 ngày 7-7-1990 công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước;

NAY CÔNG BỐ:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990.

TM. Hội đồng Nhà nước
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
VŨ CHÍ CÔNG

LUẬT sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Đề khuyến khích và tạo thêm điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam và cho các tổ chức kinh tế Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài;

Căn cứ vào điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 12 năm 1987.

Điều 1. — Các điều 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 16, 25, 27, 29, 30 và 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Các điều, 2, 4, 5, 6, và 10 điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

« 2. « Bên Việt Nam » là một bên gồm một hoặc nhiều tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế ».

« 4. « Hai bên » là Bên Việt Nam và Bên nước ngoài.

« Nhiều bên » là Bên Việt Nam và các Bên nước ngoài, hoặc là Bên nước ngoài và các Bên Việt Nam, hoặc là các Bên Việt Nam và các Bên nước ngoài ».

« 5. « Hợp đồng hợp tác kinh doanh » là văn bản ký giữa hai bên hoặc nhiều bên về hợp tác kinh doanh ».

« 6. « Hợp đồng liên doanh » là văn bản ký giữa hai bên hoặc nhiều bên về việc thành lập xí nghiệp liên doanh, hoặc là văn bản ký giữa xí nghiệp liên doanh với

tổ chức, cá nhân nước ngoài để thành lập xí nghiệp liên doanh mới tại Việt Nam ».

« 10. « Xí nghiệp liên doanh » là xí nghiệp do hai bên hoặc nhiều bên hợp tác thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh hoặc hiệp định ký giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, hoặc là xí nghiệp mới do xí nghiệp liên doanh hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh ».

2. Điều 3 được bổ sung một đoạn vào cuối điều như sau:

« Các tổ chức kinh tế tư nhân Việt Nam được hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân nước ngoài trong lĩnh vực và điều kiện do Hội đồng Bộ trưởng quy định ».

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

« Hai bên hoặc nhiều bên được hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh như hợp tác sản xuất chia sản phẩm và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.

Đối tượng, nội dung kinh doanh, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi bên và quan hệ giữa các bên do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ».

4. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

« Hai bên hoặc nhiều bên được hợp tác với nhau để thành lập xí nghiệp liên doanh.

Xí nghiệp liên doanh được hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để thành lập xí nghiệp liên doanh mới tại Việt Nam.

Xí nghiệp liên doanh có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam ».

5. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Phần góp vốn của Bên nước ngoài hoặc các Bên nước ngoài vào vốn pháp định của xí nghiệp liên doanh không bị hạn chế về mức cao nhất, theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không dưới 30 % vốn pháp định.

Đối với xí nghiệp liên doanh nhiều bên, tỷ lệ góp vốn tối thiểu của mỗi bên nước ngoài và mỗi Bên Việt Nam do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Giá trị phần góp vốn của mỗi bên được xác định trên cơ sở giá thị trường quốc tế và được ghi vào văn bản thành lập bằng tiền Việt Nam hoặc tiền nước ngoài do các bên thỏa thuận ».

6. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Cơ quan lãnh đạo của xí nghiệp liên doanh là Hội đồng quản trị.

Các bên chỉ định người của mình tham gia Hội đồng quản trị theo tỷ lệ tương ứng với phần góp vốn vào vốn pháp định của xí nghiệp liên doanh.

Trong trường hợp liên doanh hai bên thì mỗi bên ít nhất có hai thành viên trong Hội đồng quản trị.

Trong trường hợp liên doanh nhiều bên thì mỗi bên ít nhất có một thành viên trong Hội đồng quản trị.

Nếu trong xí nghiệp liên doanh có một Bên Việt Nam và nhiều Bên nước ngoài hoặc một Bên nước ngoài và nhiều Bên Việt Nam, thì Bên Việt Nam hoặc Bên nước ngoài ít nhất có hai thành viên trong Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do các bên thỏa thuận cử ra.

Tổng Giám đốc và các Phó tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị cử ra để điều hành các hoạt động hàng ngày của xí nghiệp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về hoạt động của xí nghiệp.

Tổng Giám đốc hoặc Phó tổng Giám đốc thứ nhất là công dân Việt Nam.

7. Đoạn 4 điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Lương và các khoản phụ cấp của người lao động Việt Nam được trả bằng tiền Việt Nam hoặc tiền nước ngoài trích từ tài khoản của xí nghiệp mở tại Ngân hàng ».

8. Đoạn 1 điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Tùy thuộc vào lĩnh vực đầu tư, địa bàn đầu tư, quy mô vốn đầu tư, khối lượng hàng xuất khẩu, khối lượng hàng thay thế hàng nhập khẩu thiết yếu mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ, tính chất và thời gian hoạt động, cơ quan Nhà nước quản lý đầu tư nước ngoài có thể miễn thuế lợi tức cho xí nghiệp liên doanh trong một thời gian tối đa là 2 năm, kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50 % thuế lợi tức trong một thời gian tối đa là 2 năm tiếp theo ».

9. Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau :

« Xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng sử dụng đất đai, mặt nước, mặt biển của Việt Nam, thì phải trả tiền thuê; trong trường hợp khai thác tài nguyên thì phải nộp thuế tài nguyên ».

10. Tại các điều 7, 10, 11, 25, 30 và 37 các chữ « hai bên » được thay bằng « các bên »

Điều 2. — Hội đồng Bộ trưởng sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết thi

hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990.

Chủ tịch Quốc hội
LÊ QUANG ĐẠO

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 240-HĐBT ngày 26-6-1990 về đấu tranh chống tham nhũng.

I

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, hơn 3 năm qua, nhân dân ta đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục nhiều khó khăn và đã giành được một số tiến bộ bước đầu quan trọng, đưa tình hình kinh tế — xã hội từng bước phát triển và đi dần vào ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh sự nỗ lực và cố gắng của toàn Đảng, toàn dân để đạt được những tiến bộ quan trọng thì trong đời sống xã hội, đặc biệt trong nhiều cơ quan, xí nghiệp... của Nhà nước đã xuất hiện ngày càng nhiều tệ tham nhũng dưới nhiều hình thức, gây ảnh hưởng hết sức nghiêm trọng, trong việc xâm phạm tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân, gây nên sự bất bình trong nhân dân, sự bất công trong các tầng lớp xã hội và làm giảm lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Trong không ít trường hợp, hành vi tham nhũng đã gây tác hại như một tội ác hay hành vi phá hoại.

Chúng ta đã nhiều lần lên án và tiến hành nhiều biện pháp để đấu tranh và ngăn chặn, nhưng ít hiệu quả. Tệ tham nhũng dưới nhiều hình thức không những không bị ngăn chặn mà còn có chiều hướng nghiêm trọng hơn.

Tình hình trên do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1. Công tác quản lý Nhà nước về kinh tế — xã hội còn lỏng lẻo, kỷ cương xã hội, pháp chế Nhà nước không nghiêm, công tác kiểm tra, thanh tra không thường xuyên và triệt để nên không ngăn chặn và phát hiện kịp thời các hành vi tiêu cực.

2. Trong quá trình đổi mới quản lý kinh tế, xã hội, cơ chế, quản lý cũ (quan liêu, bao cấp) đang được xóa bỏ, nhưng cơ chế quản lý mới chưa hình thành một cách đồng bộ, hoàn chỉnh, đặc biệt vấn đề phân phối thu nhập của người lao động giữa cơ sở này và cơ sở khác, giữa ngành này với ngành khác; giữa trung ương với địa phương đang có sự chênh lệch quá đáng, sự bất hợp lý đã tạo nên những kẽ hở cho các phần tử thoái hóa biến chất, cho những cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước phẩm chất xấu, chạy theo lợi ích cá nhân, cục bộ, lợi dụng xoay xở để tham ô, ăn hối lộ, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, của tập thể và của người lao động.

3. Để tình trạng tham nhũng kéo dài và nghiêm trọng trước hết là do sự chỉ đạo của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở nói chung chưa thấy hết trách nhiệm và chưa kiên quyết đấu tranh với các hành vi tham nhũng trong phạm vi ngành, địa phương và cơ sở mình phụ trách. Trong nhiều trường hợp còn có biểu hiện nương nhẹ, nể nang với người phạm tội, thậm chí, một số người có cương vị lãnh đạo còn đồng lõa, tiếp tay, bao che cho phần tử xấu.

Quyết định này là tiếp tục thực hiện « Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và